

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/9/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lon**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Bà **Cao Thị Hải** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời ngày xét xử vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 654/2021/HNGĐST-TB ngày 13/7/2021; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân và gia đình số 676/2021/HNGĐST-TB ngày 29/7/2021; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân và gia đình số 695/2021/HNGĐST-TB ngày 16/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Hồng C** – Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2 Đông Hải, phường Ninh Hải, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Q** – Sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thủy Đàm, phường T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Phạm Hồng C trình bày:* Ông và bà Q tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Hải. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn kinh cãi nhau do bất đồng quan điểm và không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không hòa hợp nên đã không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2018. Nay tình cảm giữa ông và bà Q không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông và bà Q có 01 con chung tên P, sinh ngày 25/10/2013. Ông yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – bà Q được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.

* **Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H trình bày quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên P, sinh ngày 25/10/2013. Ông yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu Phát là được sống chung với cha và hiện nay ông C đang nuôi con chung nên để đảm bảo quyền lợi cho cháu cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được nuôi con chung tên P, sinh ngày 25/10/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, các thông báo dời ngày xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Q đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Bà Q có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Thủy Đàm, phường T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông C yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bà Q nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hồng C và bà Q tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Ninh Hải, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2013, cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Hồng C và bà Q là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn vợ chồng có khoảng thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do thường xuyên bất đồng quan điểm và không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa nên từ năm 2018 vợ chồng đã tự ly

thân với nhau. Bà Q đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa ông C và bà Q không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung:

Ông C và bà Q có 01 con chung tên P, sinh ngày 25/10/2013. Ông C trình bày hiện nay con chung đang được ông trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng. Nguyên vọng của cháu Phát muốn được ở với cha. Bà Q đã được triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên P, sinh ngày 25/10/2013 cho ông C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Sau khi ly hôn, bà Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C không yêu cầu nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Phạm Hồng C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phạm Hồng C được ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cháu P, sinh ngày 25/10/2013 cho ông Phạm Hồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phạm Hồng C phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004888 ngày 09/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H. Ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

phiên tòa

- VKSND thị xã H;

- THADS thị xã H;

- UBND phường Ninh Hải;

(GCNKH số 41/2013 ngày 23/5/2013);

- Các đương sự;

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa

Phạm Huỳnh Tường Viên